

MARKET INSIGHTS REPORTS

02.04.2024

SỨC MẠNH CHU KỲ ĐÃ KHIẾN CHỈ SỐ
TĂNG ĐIỂM DÙ TIN XẤU DỒN DẬP XUẤT
HIỆN



NỘI DUNG CHÍNH

- 03 - 04** CHUYÊN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
- 05** TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
- 06** PHÂN TÍCH KỸ THUẬT
Dòng tiền đã quay trở lại FUETFVND ?
- 07** HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
- 07** CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
- 08** DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
- 08** TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
- 09** BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY
Tỷ lệ nợ/vốn chủ trong lĩnh vực nhà đất là 28% - Tỷ lệ bền vững
Lạm phát lõi PCE – Chỉ số ưa thích của FED tiếp tục giảm về mức 2,78%
- 10** TTCK MỸ
Dự báo chỉ số chính sẽ tiếp tục điều chỉnh theo chu kỳ

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	555
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	248
Số cổ phiếu giảm giá	241
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	66

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	249
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	82
Số cổ phiếu giảm giá	96
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	71

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	376
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	154
Số cổ phiếu giảm giá	129
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	93

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	84,537.48	104,241.69	(19,704.21)
% KL toàn thị trường	7.77%	9.58%	
Giá trị	2,688,119	3,424,834	(736,715)
% GT toàn thị trường	9.77%	12.45%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	6,256.20	2,113.72	4,142.48
% KL toàn thị trường	7.77%	9.58%	
Giá trị	226,344	48,369	177,975
% GT toàn thị trường	8.11%	1.73%	

UPCOM

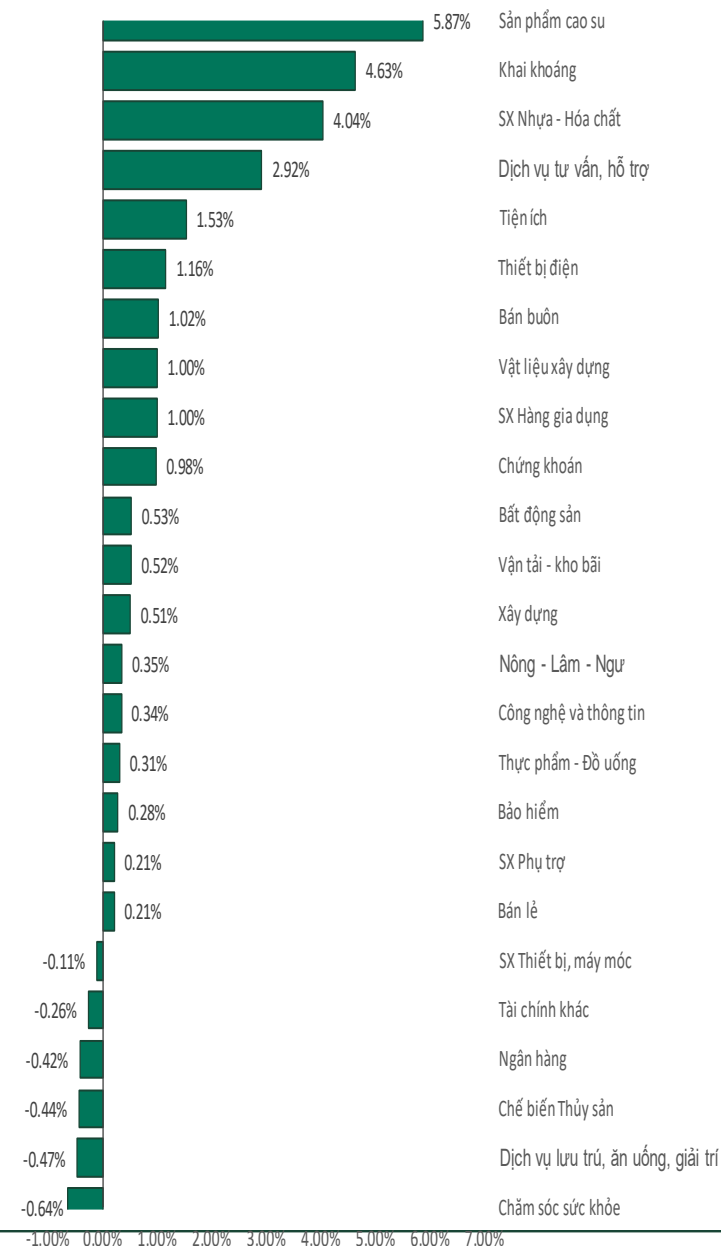
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	669.30	1,357.10	(687.80)
% KL toàn thị trường	1.07%	2.17%	
Giá trị	14,599	30,493	(15,894)
% GT toàn thị trường	1.69%	3.54%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

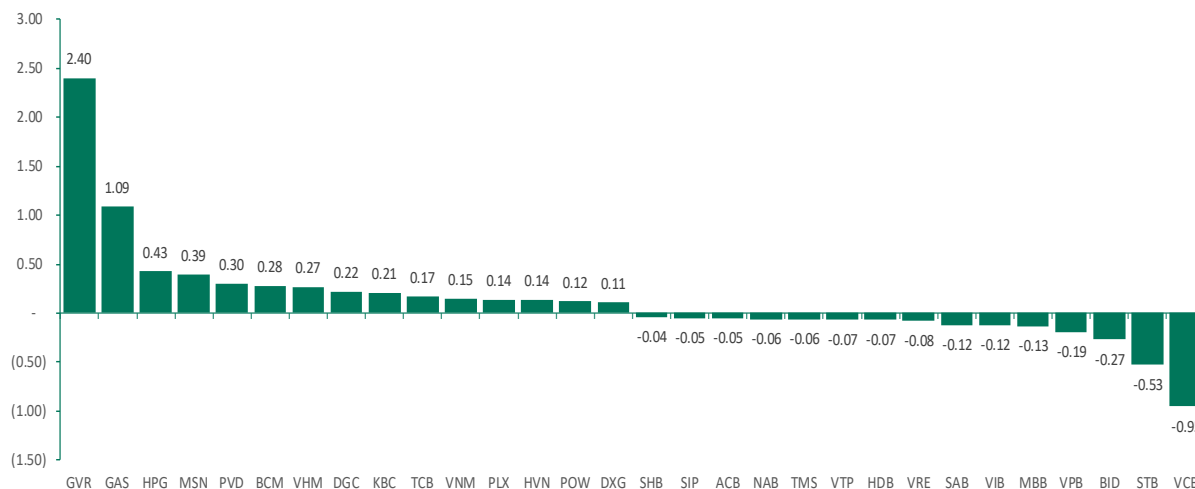
TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	969,000	94,500	-700 (-0.74%)	17.34	3.20	5,449	528,169
2	BID	1,576,300	51,900	-200 (-0.38%)	15.66	2.41	3,314	295,853
3	GAS	1,742,200	82,500	1,900 (2.36%)	16.59	2.90	4,972	189,481
4	CTG	6,979,000	35,000	0 (0%)	9.44	1.49	3,706	187,950
5	VHM	13,758,100	43,150	250 (0.58%)	5.63	1.03	7,664	187,891
6	VIC	4,818,000	47,800	-50 (-0.1%)	84.60	1.23	565	182,771
7	HPG	26,298,400	30,400	300 (1%)	27.22	1.72	1,117	176,769
8	TCB	13,559,100	47,650	200 (0.42%)	9.34	1.28	5,104	167,848
9	VPB	25,838,800	19,550	-100 (-0.51%)	13.64	1.11	1,433	155,108
10	FPT	2,285,800	117,000	200 (0.17%)	25.10	4.96	4,661	148,586

TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH



TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



Sức mạnh chu kỳ lại giúp chỉ số tăng điểm dù tin xấu dồn dập xuất hiện

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 5.52 điểm (+ 0.43%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Sản phẩm cao su, khai khoáng, sản xuất nhựa hóa chất, dịch vụ tư vấn hỗ trợ, dịch vụ tiện ích, thiết bị điện, bán buôn, sản xuất hàng gia dụng, vật liệu xây dựng, chứng khoán... là nhóm tăng giá nhiều nhất trên sàn trong ngày. Đã tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như DRC, CSM, PVS, PVD, PVC, KSB, GVR, DGC, DCM, DPM, BMP, PHR, TV2, GAS, POW, CNG, GEX, NT2, IDC, GEX, PLX, DGW, PET, HHS, VPG, TCM, STK, GIL, TNG, ADS, HPG, HSG, NKG, VIX, SHS, VND, HCM, MBS... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) DRC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu từ 41;
- ✓ Trong báo cáo doanh nghiệp, chúng tôi định giá DRC ở mức giá 38;
- ✓ Ước tính Q1/2024, DRC sẽ có mức lãi khoảng 100 tỷ đồng;
- ✓ Triển vọng trung hạn của DRC sẽ cải thiện nếu tháng 6/2024 Mỹ áp thuế chống bán phá giá các hãng sẫm lớp Thái Lan;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(ii) PVD tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu từ 38;
- ✓ Giá dầu tăng cao cùng với việc triển khai thỏa thuận cuối cùng của Lô B – Ô Môn đang là động lực thúc đẩy đà tăng giá của cổ phiếu;
- ✓ Tương tự như nhóm dầu khí tại thị trường chứng khoán Mỹ, nhóm dầu khí Việt Nam tiếp tục được đẩy lên mặt bằng giá mới trong giai đoạn qua;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(iii) CNG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 3 tăng giá mới mục tiêu giá 40-47;
- ✓ Dải băng mở ra hỗ trợ giá lên;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 54%;

(iv) VIX tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là “White Closing Marubozu”;

- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 26 -34;
- ✓ Dải băng mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Chúng tôi ước tính VIX có lãi khoảng 750 – 800 tỷ trong Q1 nhờ hoạt động tự doanh GEX, EVF....
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 69%;

(2) Chăm sóc sức khỏe, dịch vụ lưu trú ăn uống và giải trí, chế biến thủy sản, ngân hàng, tài chính khác... là nhóm ngành giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đã giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như DHG, TRA, DCL, VNG, NVT, VHC, VCB, BID, VPB, ACB, VIB, STB, OGC, TVC... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) BID giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là “Doji”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ BID trong pha giảm giá sóng 4 với mô hình ABC hoặc 12345 với vùng hỗ trợ là 47 – 50;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

(ii) VCB giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là “Back Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ từ khối lượng;
- ✓ VCB vận động theo mô hình Break out và hiện có PullBack Retest quanh vùng giá 93;
- ✓ Quá trình Retest có thể chưa kết thúc và VCB chưa thiết lập lại mô hình tăng giá;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;

(iii) STB giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là “Small Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ từ khối lượng;
- ✓ Hỗ trợ hiện tại là 29.9 – Tương ứng với hỗ trợ động MA(200);
- ✓ Sự kiện tin đồn chủ tịch Dương Công Minh có thể bị cấm xuất khẩu chính là nguyên nhân khiến khối lượng giao dịch tăng vọt ở cổ phiếu này. Chiều cùng ngày, Bộ Công An đã có phát ngôn chính thức rằng Chủ tịch STB hiện chưa bị cấm xuất cảnh;
- ✓ Các nhà đầu tư dò đáy STB thường dựa trên hai kỳ vọng chính rằng ngân hàng sẽ bán 32% cổ phiếu STB đang ở VAMC với giá 4x và dự án KCN Phong Phú 8,000 tỷ. Khoản bán này coi như là việc STB sẽ hoàn thành đề án tái cơ cấu và có thể giá cổ tức trong tương lai và giá trị sổ sách của STB tăng lên trong tương lai. Quan điểm của chúng tôi trong ngắn hạn việc bán 32% cổ phiếu STB khó có thể hoàn thành ngay bởi giá trị thương vụ lên tới hơn 24 ngàn tỷ và điều này cần nhiều bên thu xếp vốn mới có thể hoàn thiện được;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Dòng tiền đã quay trở lại FUETFVND ?

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “White Closing Marubozu”. Khối lượng giao dịch tăng và quay trở lại mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng tăng là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng.

Các điểm cần lưu ý:

(i) Chỉ số VN-Index gặp khó khăn khi chưa thể bứt phá mạnh mẽ. Đây là khu vực khoảng trống giá thiết lập 6/5/2022 và thông thường quay trở lại, đây là khu vực kháng cự tiềm năng lớn. Do vậy, việc giao dịch cần thời gian tái tích lũy cũng là điều thường thấy. Điểm sáng là việc thị trường có sự phân hóa, xoay tua và nhiều cổ phiếu thiết lập mốc đỉnh cao mới trong 52 tuần, đỉnh gần nhất hoặc đỉnh cao mọi thời đại. Dòng tiền đang hướng tới những cổ phiếu được dự báo kinh doanh tốt như DRC, CSV, GVR, DPR, GEG...và thông thường đó là tín hiệu của sự bền vững. Một lần nữa, chúng ta lại chứng kiến cảnh sau một nhịp chỉnh tái tích lũy sẽ có cổ phiếu vượt đỉnh.

(ii) Khối ngoại tiếp tục có một phiên bán ròng hơn 700 tỷ đồng. Lượng bán ròng tập trung ở MSN, SSI, STB, VNM, VRE, PDR, VCI...trong khi lượng mua ròng tập trung ở nhóm chứng khoán, TCB, MWG, PVD và đặc biệt là FUETFVND... Rất khó xác định chu kỳ bán ròng hiện tại của khối ngoại bao giờ chấm dứt. Xét theo góc độ dòng tiền thì nếu tính từ năm 2017 giai đoạn dòng tiền khối ngoại đổ mạnh vào thị trường thì quy mô thoái vốn có thể cần đạt mức 1 tỷ đô nữa mới có thể dừng lại. Chừng nào việc bán ròng không tạo ra mức đáy mới bắt đầu tư khi bán ròng thì chừng đó giao dịch thị trường vẫn là tích cực. Ngoài ra, như đã chia sẻ, động lực tăng giá của thị trường từ năm 2020 tới nay từ giao dịch của khối nội.

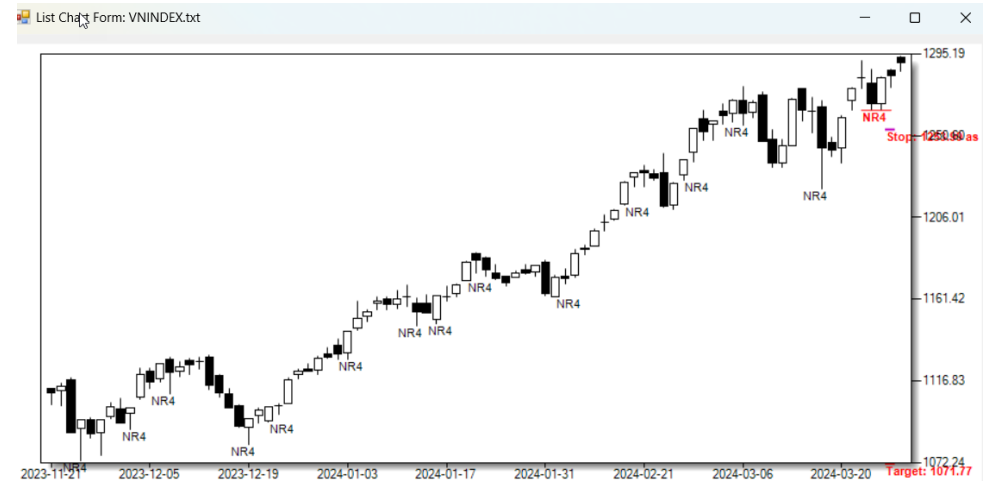
(iii) Khối tự doanh tiếp tục mua ròng và họ mua tới hơn 160 tỷ E1VFN30....

(iv) Việc giá tăng và phục hồi trở lại cùng với dải băng trên mở ra là tín hiệu tích cực. Nếu chỉ số tiếp tục duy trì đà tăng vào ngày mai thì mẫu hình phân kỳ âm sẽ phá vỡ và điều này giúp chỉ số có thể sớm chinh phục vùng 1,300 điểm.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 08 mã cho tín hiệu mua, 07 mã cho tín hiệu bán, 15 mã cho tín hiệu đi ngang. VHM, SSI, FPT, MWG...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 38.89% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch tăng điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 4. Kháng cự là 1,300 điểm. Hỗ trợ là 1,200 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu STB



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	543.85	540.49	547.21	NO	557.29	564	577.44	584.15	537.14	523.7	516.99	503.55
HNXINDEX	244.35	243.57	245.12	NO	247.46	249.03	252.14	253.71	242.78	239.67	238.1	234.99
UPINDEX	91.22	91.13	91.31	YES	91.59	91.78	92.15	92.34	91.03	90.66	90.47	90.1
VN30	1285.92	1282.73	1289.11	NO	1298.68	1305.06	1317.82	1324.2	1279.54	1266.78	1260.4	1247.64
VNINDEX	1280.85	1277.76	1283.95	NO	1293.23	1299.41	1311.79	1317.97	1274.67	1262.29	1256.11	1243.73
VNXALL	2083.51	2077.98	2089.04	NO	2105.63	2116.7	2138.82	2149.89	2072.44	2050.32	2039.25	2017.13
VN30F1M	1285.37	1283.05	1287.68	NO	1296.63	1303.27	1314.53	1321.17	1278.73	1267.47	1260.83	1249.57
VN30F1Q	1288.27	1285.8	1290.73	NO	1298.43	1303.67	1313.83	1319.07	1283.03	1272.87	1267.63	1257.47
VN30F2M	1288.77	1286.65	1290.88	NO	1298.63	1304.27	1314.13	1319.77	1283.13	1273.27	1267.63	1257.77
VN30F2Q	1289.63	1287.15	1292.12	NO	1299.57	1304.53	1314.47	1319.43	1284.67	1274.73	1269.77	1259.83
BCM	64.83	64.55	65.12	NO	65.97	66.53	67.67	68.23	64.27	63.13	62.57	61.43
ACB	28.23	28.15	28.32	NO	28.57	28.73	29.07	29.23	28.07	27.73	27.57	27.23
BID	51.93	51.95	51.92	YES	52.37	52.83	53.27	53.73	51.47	51.03	50.57	50.13
BVH	42.23	42.15	42.32	NO	42.57	42.73	43.07	43.23	42.07	41.73	41.57	41.23
CTG	34.77	34.65	34.88	NO	35.43	35.87	36.53	36.97	34.33	33.67	33.23	32.57
GVR	34.42	34	34.83	NO	36.08	36.92	38.58	39.42	33.58	31.92	31.08	29.42
FPT	116.47	116.2	116.73	NO	117.53	118.07	119.13	119.67	115.93	114.87	114.33	113.27
GAS	81.67	81.25	82.08	NO	83.43	84.37	86.13	87.07	80.73	78.97	78.03	76.27
HDB	23.78	23.73	23.84	NO	24.07	24.23	24.52	24.68	23.62	23.33	23.17	22.88
HPG	30.2	30.1	30.3	NO	30.6	30.8	31.2	31.4	30	29.6	29.4	29
MBB	24.6	24.5	24.7	NO	25	25.2	25.6	25.8	24.4	24	23.8	23.4
MSN	74.27	74.15	74.38	NO	75.23	75.97	76.93	77.67	73.53	72.57	71.83	70.87
MWG	51.05	50.78	51.32	NO	52.15	52.7	53.8	54.35	50.5	49.4	48.85	47.75
PLX	37.62	37.47	37.76	NO	38.23	38.57	39.18	39.52	37.28	36.67	36.33	35.72
POW	11.5	11.48	11.52	NO	11.7	11.85	12.05	12.2	11.35	11.15	11	10.8
SAB	56.53	56.6	56.47	NO	56.77	57.13	57.37	57.73	56.17	55.93	55.57	55.33
SSB	21.95	21.9	22	NO	22.2	22.35	22.6	22.75	21.8	21.55	21.4	21.15
SHB	11.35	11.32	11.37	NO	11.45	11.5	11.6	11.65	11.3	11.2	11.15	11.05
SSI	38.63	38.5	38.77	NO	39.27	39.63	40.27	40.63	38.27	37.63	37.27	36.63
STB	30.25	30.28	30.22	YES	30.9	31.6	32.25	32.95	29.55	28.9	28.2	27.55
TCB	47.55	47.5	47.6	NO	48.1	48.55	49.1	49.55	47.1	46.55	46.1	45.55
TPB	18.67	18.58	18.76	NO	19.03	19.22	19.58	19.77	18.48	18.12	17.93	17.57
VCB	94.53	94.55	94.52	YES	95.17	95.83	96.47	97.13	93.87	93.23	92.57	91.93
VHM	42.83	42.68	42.99	NO	43.47	43.78	44.42	44.73	42.52	41.88	41.57	40.93
VIB	23.98	23.92	24.04	NO	24.42	24.73	25.17	25.48	23.67	23.23	22.92	22.48
VIC	102.47	102.2	102.73	NO	103.53	104.07	105.13	105.67	101.93	100.87	100.33	99.27
VIC	47.4	47.2	47.6	NO	48.3	48.8	49.7	50.2	46.9	46	45.5	44.6
VPB	19.35	19.25	19.45	NO	19.8	20.05	20.5	20.75	19.1	18.65	18.4	17.95
VRE	25.55	25.55	25.55	YES	25.75	25.95	26.15	26.35	25.35	25.15	24.95	24.75
VNM	67.13	67.05	67.22	NO	67.57	67.83	68.27	68.53	66.87	66.43	66.17	65.73

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
STB	105,089,800	23,989,490	438	-3.82
BCG	19,163,200	9,012,600	213	2.93
PVD	15,201,400	6,210,820	245	6.24
PC1	10,984,100	5,271,940	208	2.65
BSR	10,262,000	4,920,250	208.57	2.07
GVR	10,181,700	4,309,970	236	6.98
E1VFVN30	7,165,000	589,050	1,216	-0.8
TTF	7,140,400	1,781,910	400.72	-2.72
DXS	6,416,500	2,541,370	252	1.92
PVC	5,731,800	1,701,750	337	4
DRC	5,101,200	1,515,490	336.6	6.87
TNG	4,272,900	1,861,350	230	4.04
GEG	4,119,600	461,710	892	6.79
VDS	3,806,600	1,560,770	244	3.11
IDJ	2,974,800	1,347,250	221	-1.61
BOT	2,813,300	906,530	310.34	-3.23
AAH	1,910,100	279,410	684	-12.37
SKG	1,819,200	892,540	204	2.17
MBG	1,745,700	497,350	351	0
DGT	1,722,000	376,020	458	12.5
AFX	1,599,200	69,850	2289.48	3.45
BKG	1,444,200	432,180	334	-0.23
NDN	1,099,300	339,950	323	-3.15
LIG	1,077,200	524,940	205	2.5
PTL	1,017,300	150,530	676	6.95
VNB	785,900	343,800	228.59	-7.97
QBS	597,200	296,830	201	-1.88
KPF	548,900	250,970	219	-2.59
BCC	500,800	220,150	227	1.08
LMH	489,900	202,170	242	0
LTG	431,100	207,300	208	-1.9
BMP	410,300	197,330	208	3.12
VRC	398,600	136,380	292	6.61
DTI	396,400	175,620	226	5.13
TLD	307,200	89,590	343	-0.76
SDT	260,800	83,480	312	11.36
C47	224,900	109,520	205	-1.51
ALV	203,600	29,800	683	13.64
HID	202,900	88,320	230	0.68
FUESSV50	175,700	31,490	558	1.72

- Lưu ý: STB, BCG...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
27-Mar	VGI	Mua	≤ 41	10% -20%	Sóng 5 tăng giá hình thành với mục tiêu 50
27-Mar	MSR	Mua	≤ 16.5	10% -20%	Cổ phiếu kết thúc chuỗi sogs giảm giá và đang hình thành xu hướng tăng giá mới
27-Mar	DXG	Mua	≤ 21	10% -20%	Sóng 5 tăng giá hình thành với mục tiêu 25

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;
- Hỗ trợ ngắn hạn là vùng giá 1,200 điểm. Kháng cự là vùng giá 1,300 điểm;
- Thị trường có xu hướng đẩy giá và luân theo cổ phiếu theo ngày;
- Quy hoạch điện VIII sẽ thúc đẩy nhóm cổ phiếu liên quan tới ngành này tăng trưởng trong trung và dài hạn. Hưởng lợi ngắn và trung hạn là GEX, PC1 (Hiện có vấn đề tỷ giá cản trở đà tăng lợi nhuận), TV2...Hưởng lợi trong trung hạn là PVS, DGC, BCG và các doanh nghiệp tham gia các đầu tư các dự án điện theo quy hoạch đặc biệt là điện khí LNG và điện sinh khối, điện tích năng và điện lưu trữ pin...;
- Nhóm chứng khoán và bất động sản có thể được đẩy tăng giá vào ngày mai. Chúng tôi thấy thị trường bất động sản đang phục hồi và ngân sách các địa phương đã tăng thu mạnh từ các khoản nộp tiền sử dụng đất. Chặng hạn như thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Quý 1 trên địa bàn Hải Phòng đạt hơn 32.864 tỷ đồng; trong đó thu nội địa đạt 18.943 tỷ đồng, tăng 232,94% so với cùng kỳ, bằng 50,41% dự toán Trung ương giao và bằng 42,10% dự toán HĐND thành phố giao.

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 01/04, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.004 VND/USD, chỉ tăng 01 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.154 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.803 VND/USD, giảm 07 đồng so với phiên 29/03. Tỷ giá trên thị trường tự do đi ngang ở chiều mua vào trong khi tăng 20 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 25.380 VND/USD và 25.480 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 01/04, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng mạnh 0,53 – 0,86 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên cuối tuần trước, cụ thể: ON 3,64%; 1W 3,79%; 2W 3,86% và 1M 3,83%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 – 0,03 đpt ở tất cả các kỳ hạn; giao dịch tại: ON 5,23%; 1W 5,30%; 2W 5,38%, 1M 5,41%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm nhẹ ở kỳ hạn 7Y; chốt phiên ở mức: 3Y 1,65%; 5Y 1,84%; 7Y 2,22%; 10Y 2,65%; 15Y 2,82%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 15.000 tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN với kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 500 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu với lãi suất giảm xuống mức 2,40%. Như vậy, NHNN hút ròng 500 tỷ đồng từ thị trường trong phiên hôm qua, khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường tăng lên mức 171.698,8 tỷ đồng.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY



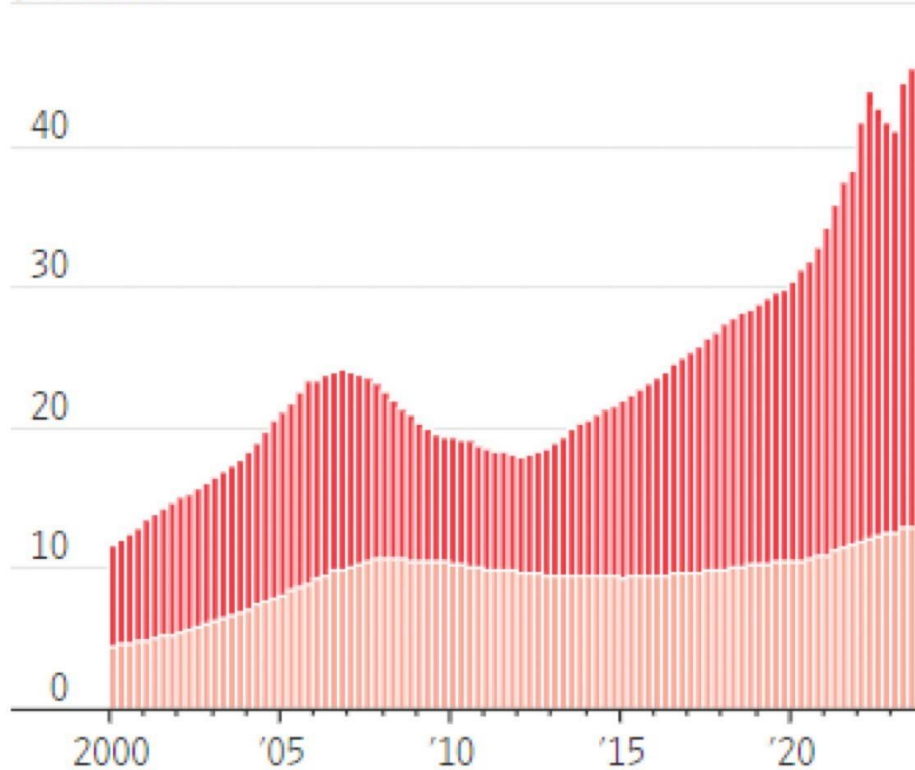
Tỷ lệ nợ/vốn chủ trong lĩnh vực nhà đất là 28% - Tỷ lệ bền vững

Theo lý thuyết nợ bền vững tại Mỹ thì mức nợ vay nhà là 28% và tổng nợ chiếm khoảng 36% thu nhập

Composition of the U.S. housing market

■ Debt ■ Equity

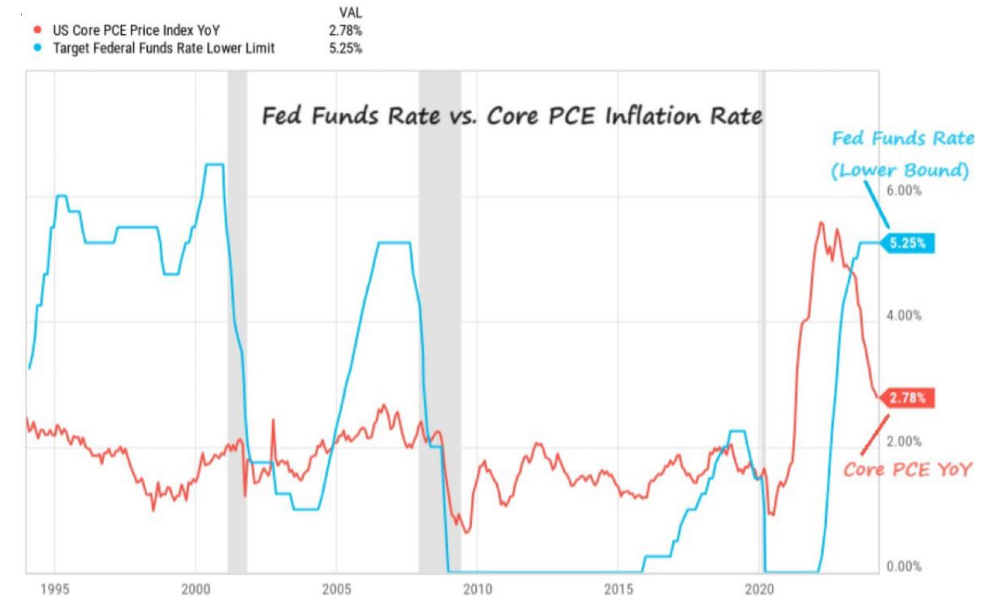
\$50 trillion



Note: Includes 1-4 family owner-occupied mortgages.

Source: Urban Institute

Lạm phát lõi PCE – Chỉ số ưa thích của FED tiếp tục giảm về mức 2,78% và có khoảng cách khá lớn với FED FUND RATE



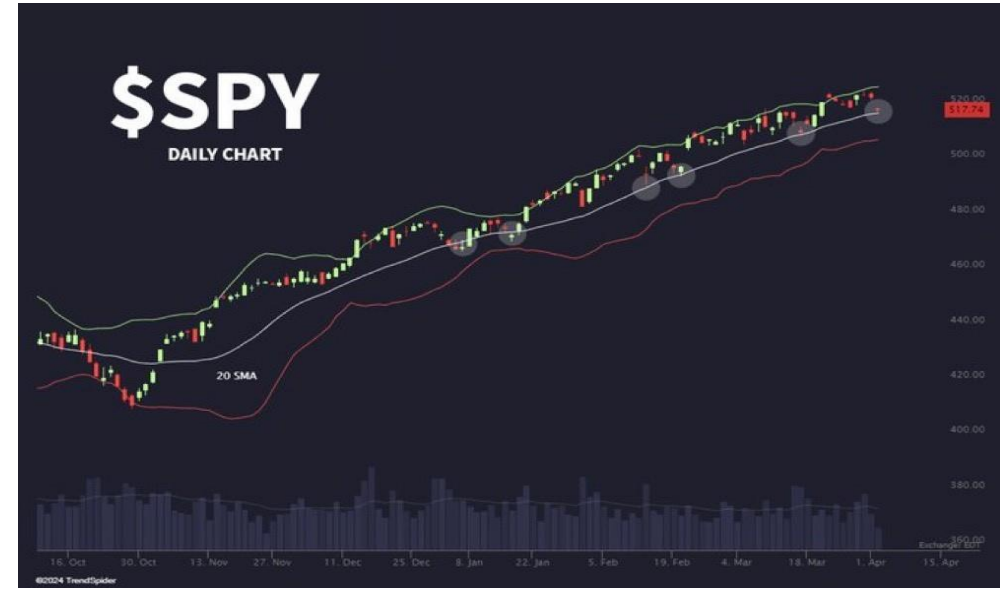
NVIDIA sẽ điều chỉnh như hình vẽ ?



Nasdaq sẽ điều chỉnh về MA(50) ?



S&P 500 sẽ tiếp tục chu kỳ điều chỉnh theo mùa



Đợt Correction này sẽ giảm ở mức 5% hay 10% ?

S&P 500 Index: Max Intra-Year Drawdowns vs. End of Year Total Returns (1928 - 2024)														
Year	DD	TR	Year	DD	TR	Year	DD	TR	Year	DD	TR	Year	DD	TR
1928	-10.3%	43.8%	1948	-13.5%	5.7%	1968	-9.3%	10.8%	1988	-7.6%	16.6%	2008	-48.8%	-37.0%
1929	-44.6%	-8.3%	1949	-13.2%	18.3%	1969	-16.0%	-8.2%	1989	-7.6%	31.7%	2009	-27.6%	26.5%
1930	-44.3%	-25.1%	1950	-14.0%	30.8%	1970	-25.9%	3.6%	1990	-19.9%	-3.1%	2010	-16.0%	15.1%
1931	-57.5%	-43.8%	1951	-8.1%	23.7%	1971	-13.9%	14.2%	1991	-5.7%	30.5%	2011	-19.4%	2.1%
1932	-51.0%	-8.6%	1952	-6.8%	18.2%	1972	-5.1%	18.8%	1992	-6.2%	7.6%	2012	-9.9%	16.0%
1933	-29.4%	50.0%	1953	-14.8%	-1.2%	1973	-23.4%	-14.3%	1993	-5.0%	10.1%	2013	-5.8%	32.4%
1934	-29.3%	-1.2%	1954	-4.4%	52.6%	1974	-37.6%	-25.9%	1994	-8.9%	1.3%	2014	-7.4%	13.7%
1935	-15.9%	46.7%	1955	-10.6%	32.6%	1975	-14.1%	37.0%	1995	-2.5%	37.6%	2015	-12.4%	1.4%
1936	-12.8%	31.9%	1956	-10.8%	7.4%	1976	-8.4%	23.8%	1996	-7.6%	23.0%	2016	-10.5%	12.0%
1937	-45.5%	-35.3%	1957	-20.7%	-10.5%	1977	-15.6%	-7.0%	1997	-10.8%	33.4%	2017	-2.8%	21.8%
1938	-28.9%	29.3%	1958	-4.4%	43.7%	1978	-13.6%	6.5%	1998	-19.3%	28.6%	2018	-19.8%	-4.4%
1939	-21.2%	-1.1%	1959	-9.2%	12.1%	1979	-10.2%	18.5%	1999	-12.1%	21.0%	2019	-6.8%	31.5%
1940	-29.6%	-10.7%	1960	-13.4%	0.3%	1980	-17.1%	31.7%	2000	-17.2%	-9.1%	2020	-33.9%	18.4%
1941	-22.9%	-12.8%	1961	-4.4%	26.6%	1981	-18.4%	-4.7%	2001	-29.7%	-11.9%	2021	-5.2%	28.7%
1942	-17.8%	19.2%	1962	-26.9%	-8.8%	1982	-16.6%	20.4%	2002	-33.8%	-22.1%	2022	-25.4%	-18.1%
1943	-13.1%	25.1%	1963	-6.5%	22.6%	1983	-6.9%	22.3%	2003	-14.1%	28.7%	2023	-10.3%	26.3%
1944	-6.9%	19.0%	1964	-3.5%	16.4%	1984	-12.7%	6.1%	2004	-8.2%	10.9%	2024 YTD	-1.7%	10.6%
1945	-6.9%	35.8%	1965	-9.6%	12.4%	1985	-7.7%	31.2%	2005	-7.2%	4.9%			
1946	-26.6%	-8.4%	1966	-22.2%	-10.0%	1986	-9.4%	18.5%	2006	-7.7%	15.8%			
1947	-14.7%	5.2%	1967	-6.6%	23.8%	1987	-33.5%	5.8%	2007	-10.1%	5.5%			

Kết luận: Dự báo chỉ số chính sẽ tiếp tục điều chỉnh theo chu kỳ

(*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest


Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



Báo cáo thực hiện bởi Trung tâm nghiên cứu và phân tích

CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 0243 573 9779 (máy lẻ 666 / 888)

 trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay

